

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/DS-ST

Ngày 12-3-2026

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Vân và bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân khu vực 13 – Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2025/TLST-DS ngày 18/8/2025 “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 13/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Sanh H, sinh năm 1973; căn cước số 064173000916 cấp ngày 15/6/2021; địa chỉ số: Tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phạm H1, sinh năm 1984; căn cước số 064084009907; địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ F T, phường A, tỉnh Gia Lai (hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G, tỉnh Gia Lai). Ông H1 có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ H A, phường A, tỉnh Gia Lai. Bà T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày có nội dung như sau: Vào khoảng giữa năm 2023 gia đình tôi có khoản tiền nên tôi đến tại Chi nhánh Ngân hàng N2, tỉnh Gia Lai để gửi tiền thì gặp ông Nguyễn Phạm H1. Thời điểm này ông H1 làm bên bộ phận tín dụng tại ngân hàng nên ông H1 nói với tôi để cho ông H1 vay khoản tiền nói trên để đảo hạn cho người khác, sau một vài ngày sẽ trả lại gốc và lãi cho tôi. Vì tin tưởng nên tôi đã cho ông H1

vay số tiền 1.800.000.000đ, về lãi suất hai bên thỏa thuận và ông H1 có trả cho tôi một vài lần tiền lãi (nhưng lâu quá tôi không nhớ số tiền cụ thể), sau đó ông H1 không trả nữa. Đến ngày 14/11/2023 ông H1 tiếp tục vay thêm số tiền 300.000.000đ nữa và tôi đã chuyển cho ông H1 số tiền 300.000.000đ. Do vậy, ông H1 lấy lại giấy mượn tiền đã ghi vào tháng 9/2023 số tiền vay là 1.800.000.000đ và ghi chung thành 01 giấy mượn tiền ngày 14/11/2023 với số tiền là 2.100.000.000đ (Hai tỷ, một trăm triệu đồng). Ngay sau đó tôi biết được ông H1 nợ nhiều người và không có khả năng trả nợ nhưng vẫn tiếp tục vay số tiền 300.000.000đ của tôi vào ngày 14/11/2023 nên tôi và nhiều người khác đã tố cáo ông H1 tại Công an. Quá trình điều tra tại Công an xác định ông H1 lừa đảo chiếm đoạt của tôi số tiền 300.000.000đ vào ngày 14/11/2023. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án hình sự phúc thẩm số 168/2025/HS-PT ngày 24/9/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã giải quyết số tiền 300.000.000đ. Đối với số tiền 1.800.000.000đ ông H1 vay của tôi từ tháng 9/2023 các cơ quan đã trả lại bản gốc giấy mượn tiền ông H1 đã viết cho tôi vào ngày 14/11/2023 với số tiền vay là 2.100.000.000đ, đồng thời hướng dẫn tôi khởi kiện dân sự tại Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai. Như vậy, số tiền gốc 1.800.000.000đ mà ông H1 đã vay của tôi trước đó vào tháng 9/2023 chưa được giải quyết nên tôi khởi kiện yêu cầu ông H1 trả lại số tiền còn nợ nói cho tôi. Khi vay tiền của tôi chỉ có một mình ông H1 nhận tiền chứ không có vợ ông H1, tôi không biết vợ ông H1 nên chỉ có ông H1 nhận tiền và ký giấy vay tiền của tôi. Do vậy, tôi đã khởi kiện buộc ông H1 phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay cho tôi. Hôm nay, tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Nguyễn Phạm H1 phải trả cho tôi số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ, tám trăm triệu đồng). Tôi không yêu cầu lãi.

* Bị đơn ông Nguyễn Phạm H1 trình bày tại bản khai ngày 02/02/2026 có nội dung như sau: Vào khoảng năm 2021 tôi có vay nhiều lần tiền của bà Nguyễn Thị Sanh H, lãi suất hai bên thỏa thuận và tôi đã trả lãi, gốc cho bà H. Đến đầu tháng 9/2023 tôi tính lại thì số tiền gốc tôi còn nợ bà H là 1.800.000.000đ nên tôi có viết giấy cho bà H và có trả tiền lãi. Đến ngày 14/11/2023 tôi vay thêm số tiền 300.000.000đ nữa nên viết lại giấy mượn tiền ghi ngày 14/11/2023 với số tiền vay là 2.100.000.000đ (Hai tỷ, một trăm triệu đồng). Trong đó, số tiền 300.000.000đ đã bị Công an điều tra khởi tố và đã giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án hình sự phúc thẩm số 168/2025/HS-PT ngày 24/9/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng. Do hiện nay tôi đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam G, tỉnh Gia Lai nên tôi chưa trả số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ, tám trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Sanh H mà tôi đã vay vào tháng 9/2023. Tôi đồng ý sẽ trả số tiền nói trên cho bà H khi tôi chấp hành xong hình phạt tù nếu bà H không đồng ý thì Tòa án giải quyết theo quy định.

* Bà Nguyễn Thị Quỳnh T trình bày tại bản khai ngày 10/02/2026 có nội dung như sau: Tôi và ông Nguyễn Phạm H1 đã ly hôn, trước đây, ông H1 làm việc tại Chi nhánh Ngân hàng N2, tỉnh Gia Lai nên có vay những khoản tiền

nào, của ai, bao nhiêu tôi hoàn toàn không biết nên tôi không có nghĩa vụ phải trả. Tôi không quen biết bà Nguyễn Thị Sanh H và không liên quan đến các khoản tiền vay, mượn của ông Nguyễn Phạm Hoàng N tôi không có nghĩa vụ phải trả. Bà H khởi kiện ông H1 về số nợ 1.800.000.000đ thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục Tổ tụng Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về nội dung, qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa được thẩm tra thì xác định ông H1 có vay tiền và hiện còn nợ bà H số tiền 1.800.000.000đ là đúng sự thật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H1 trả cho bà H số tiền 1.800.000.000đ. Về tiền lãi, các bên không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí, ông H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Sanh H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Nguyễn Phạm H1, có địa chỉ đăng ký thường trú Tổ F T, phường A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã thông báo các Văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Phạm Hoàng N1 do ông H1 đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam G, tỉnh Gia Lai nên không tham gia tố tụng được. Khi Tòa án vào làm việc trực tiếp thì ông H1 thừa nhận có vay và còn nợ số tiền 1.800.000.000đ của bà Nguyễn Thị Sanh H vào tháng 9/2023, đồng thời ông H1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn đã nộp: Bà Nguyễn Thị Sanh H yêu cầu khởi kiện và đã nộp cho Tòa án bản gốc “Giấy mượn tiền” ghi ngày 14/11/2023 số tiền vay 2.100.000.000đ, có chữ ký người vay tiền là ông Nguyễn Phạm H1. Bà H trình bày tháng 9/2023 ông H1 có vay của bà số tiền 1.800.000.000đ và có trả tiền lãi, đến ngày 14/11/2023 dù không có khả năng nhưng ông H1 đã vay thêm số tiền 300.000.000đ để dùng vào việc cá nhân nên bà H đã tố cáo ông H1 về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Qua điều tra đã xác định số tiền ông H1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà H là 300.000.000đ và đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2025/HS-ST ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án hình sự phúc thẩm số 168/2025/HS-PT ngày 24/9/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng. Như vậy, đối với số tiền 1.800.000.000đ ông H1 đã vay của bà H từ tháng 9/2023 chưa được giải quyết và đến nay ông H1 chưa trả số tiền còn nợ nói trên cho bà H. Vì vậy, bà H khởi

kiện vụ án dân sự yêu cầu ông H1 trả số tiền đã vay còn nợ tại “Giấy mượn tiền” ghi ngày 14/11/2023 với số tiền còn lại là 1.800.000.000đ là có cơ sở theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về nghĩa vụ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H khai, do ông H1 làm việc tại ngân hàng nên khi vay chỉ có ông H1 vay tiền của bà H, viết giấy vay tiền và trả tiền lãi, chứ vợ ông H1 là bà Nguyễn Thị Quỳnh T không biết, không nhận tiền và cũng không ký giấy vay tiền cho bà H. Bà H khởi kiện và chỉ yêu cầu ông H1 trả số tiền còn nợ nói trên cho bà H. Xét thấy, việc ông H1 vay số tiền nói trên của bà H chỉ do ông H1 thực hiện, số tiền vay nói trên ông H1 đã sử dụng vào việc riêng. Do vậy, buộc ông H1 có trách nhiệm phải trả số tiền còn nợ 1.800.000.000đ nói trên cho bà H, là có cơ sở.

[5] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Sanh H.

- Buộc ông Nguyễn Phạm H1, phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Sanh H, số tiền còn nợ tại “Giấy mượn tiền ghi ngày 14/11/2023” số tiền là: 1.800.000.000đ (Một tỷ, tám trăm triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Sanh H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên thì ông Nguyễn Phạm Hoàng C phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Phạm H1 phải nộp số 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Sanh H số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0001588 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/3/2026) các đương sự có kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13 - Gia Lai;
- Phòng THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

Mai Trung Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dânThẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bích Vân Trần Thị Kia

Mai Trung Toàn

